



TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TRONG LỄ HỘI RIJA NUGAR CỦA NGƯỜI CHĂM - NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA

DƯƠNG VĂN ÚT

Cùng với tín ngưỡng thờ đa thần, người Chăm ở Việt Nam còn có tín ngưỡng thờ nữ thần. Về sau, khi sống giao lưu và hoà hợp, người Chăm đã bị ảnh hưởng đạo thờ Mẫu của người Việt, làm cho tín ngưỡng thờ nữ thần nâng lên thành thờ Mẫu. Tín ngưỡng này được khắc hoạ sinh động qua lễ hội Rija Nugar. Đây là lễ hội mang yếu tố truyền thống của người Chăm với đức tin đặt vào vị trí Quốc Mẫu Pô Inur Nagar.

Phong tục sùng bái con người và các nữ thần - một đặc trưng cơ bản của cư dân nông nghiệp lúa nước phương Đông, được xem là một trong những tín ngưỡng đầu tiên của con người. Mỗi khu vực, mỗi vùng đất lại có những cách thức bày tỏ khác nhau, nhưng nhìn chung tín ngưỡng này có phần nổi trội hơn ở các dân tộc trong khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là ở Việt Nam.

Nền văn hóa Chăm được sinh thành và phát triển trên nền tảng văn hoá Sa Huỳnh ngay chính mảnh đất miền Trung Việt Nam. Vì vậy, điều hiển nhiên là các lễ hội của người Chăm cũng mang nhiều yếu tố địa phương và có nhiều nét đặc sắc liên quan đến cộng đồng, dòng họ và gia đình. Cùng

với lễ hội Katê (Mbăng Katê), lễ hội Rija Nugar không chỉ được biết đến là di sản riêng trong bản sắc văn hoá của người Chăm mà thực sự là một di sản chung, một biểu tượng văn hoá, một lễ hội lớn, đặc trưng trong cội nguồn văn hoá Chăm. Đó chính là một tín ngưỡng truyền thống của người Chăm được đưa lên một vị trí cao nhất - tín ngưỡng thờ Mẫu. Song, lễ hội này có nguồn gốc và ý nghĩa như thế nào đối với người Chăm? Tại sao nó được xem là lễ hội nên trong hệ thống các lễ hội của người Chăm?...

Đến nay, đã có hàng nghìn nghiên cứu của các nhà khoa học về người Chăm ở Việt Nam. Tuy nhiên, những nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học có đề cập đến các câu hỏi nêu trên có thể kể đến một vài công trình như: “*Việt điện U Linh tập*” của Lý Tế Xuyên (1961), “*Từ thần thoại Pô Inur Nagar đến Thiên Y A Na*” của Văn Đình Hy (1978), “*Văn hóa và xã hội Chăm - nghiên cứu và đối thoại*” của Inrasara (1994), “*Lễ hội chuyển mùa của người Chăm*” của Ngô Văn Doanh (2006), “*Tháp Bà Thiên Y A Na - hành trình của một nữ thần*” của Ngô Văn Doanh (2009)... Trên cơ sở các công trình nghiên cứu có liên quan đã được công bố,

nội dung bài viết này chỉ tập trung làm rõ hơn những vấn đề về tín ngưỡng thờ Mẫu trong lễ hội Rija Nugar của người Chăm.

1. Nguồn gốc tín ngưỡng thờ Mẫu

Tín ngưỡng thờ Mẫu là sự tin tưởng, ngưỡng mộ, tôn vinh, thờ phụng với đức tin vào những vị nữ thần đã có công sáng tạo, bảo hộ và che chở cho con người. Tín ngưỡng thờ Mẫu bắt nguồn từ việc con người tôn thờ các vị thánh tượng trưng cho vũ trụ. Theo quan niệm của người Việt Nam, có 4 yếu tố cấu thành nên vũ trụ là: thiên (trời), nhạc (núi rừng), thủy (sông nước) và địa (đất). Những vị nữ thần này gắn với các hiện tượng tự nhiên (như trời, đất, sông nước, rừng núi, mây, mưa, sấm, chớp, gió...) mang tính chất thần thánh, được biểu trưng dưới dạng: Thánh Mẫu (như Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Linh Sơn Thánh Mẫu, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Thánh Mẫu Thiên Y A Na), Quốc Mẫu (như Quốc Mẫu Âu Cơ, Quốc Mẫu Pô Inur Nagar¹) và Vương Mẫu (như người mẹ của Thánh Gióng được tôn vinh là Vương Mẫu). Như vậy, tục thờ Mẫu ra đời trên cơ sở tục thờ nữ thần của cư dân nông nghiệp lúa nước và cũng gắn liền với phủ, đền, chùa, miếu, điện. Rồi, trải qua một quá trình lịch sử, khi Đạo giáo Trung Quốc truyền sang Việt Nam, tín ngưỡng thờ Mẫu ở nước ta đã phát triển để hình thành nên tín ngưỡng Tam

phủ, Tứ phủ². Đến thế kỷ XVI, trên cơ sở tín ngưỡng Tam Phủ, Tứ Phủ, với sự ra đời của Thánh Mẫu Liễu Hạnh, một tôn giáo bản địa sơ khai được manh nha, đó là đạo thờ Mẫu. Kể từ đó, thông qua quá trình giao lưu tiếp biến văn hoá, đạo thờ Mẫu đã phát triển khá sâu rộng trên cả nước, được nhiều dân tộc anh em trên lãnh thổ Việt Nam thờ phụng và nâng tầm.

Theo con đường Nam tiến của người Việt, đạo Mẫu đã giao thoa, tiếp biến với các tục thờ Mẫu của người Chăm (ở Trung Bộ), người Khơ-me (ở Nam Bộ) và người Hoa (ở Trung Bộ và Nam Bộ), từ đó đã tạo nên các dạng thức văn hoá địa phương của Đạo Mẫu Việt Nam tại ba miền là Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ. Song, quan trọng và đậm nét hơn vẫn là sự khôn khéo và linh hoạt trong việc dung nạp giữa hai yếu tố Việt - Chăm để hình thành nên một dấu ấn văn hoá đặc thù, trong đó có sự hỗn hợp và dung hòa hình tượng người Mẹ của quê hương cho phù hợp với những đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc để hình thành nên tín ngưỡng thờ Mẫu. Tuy nhiên, tín ngưỡng thờ Mẫu của người Chăm ở miền Trung lại được biểu trưng qua dạng thức là tín ngưỡng thờ Mẫu không có sự hiện diện của Mẫu Tam Phủ (hay Tam toà Thánh Mẫu), Tứ Phủ mà chỉ có hình thức thờ Nữ thần và Mẫu thần. Đó là hình thức thờ Mẫu thần như thờ Thiên Y A Na, Pô Inur Nagar.

¹ Trong dân gian, Bà Mẹ xứ sở của người Chăm còn có các tên gọi khác như Pô Yan Ino Nagar, Pô Ino Nagar, Pô Yan Ina Nagar, Pô Inur Nagar, Pô Ina Nagar, Pô Ino Nogar, Pô Nagar, hay Poh Nagar... (Xem thêm: Văn Đình Hy, 1978, tr. 36-39; Inrasara, 1994, tr. 176-191).

² Tứ Phủ gồm 4 miền ứng với 4 vị nữ thần cai quản là Thiên Phủ - miền trời ứng với Mẫu Thượng Thiên cai quản miền trời, Nhạc Phủ - miền rừng núi ứng với Mẫu Thượng Ngàn cai quản miền rừng núi, Thủy/Thoải Phủ - miền sông nước ứng với Mẫu Thoải cai quản miền sông nước, Địa phủ - miền đất đai ứng với Mẫu Địa cai quản đất đai; riêng Tam Phủ thì không có miền Địa Phủ - miền đất đai ứng với Mẫu Địa cai quản đất đai (Xem thêm: Ngô Đức Thịnh, 1996, tr. 18, 22, 23, 202).

Như vậy, đạo Mẫu là một tín ngưỡng bản địa và sinh thành cùng với những ảnh hưởng ngoại lai từ Đạo giáo. Tín ngưỡng này đã lấy việc tôn thờ hình tượng người Mẹ làm thần tượng với các quyền năng cao thượng nhằm duy trì và bảo vệ sự tồn vong của con người, là nơi mà ở đó người phụ nữ xưa kia đã gửi gắm những ước vọng giải thoát của mình khỏi những thành kiến, ràng buộc của xã hội Nho giáo phong kiến đương thời.

2. Nét đặc sắc trong lễ hội Rija Nugar

Rija Nugar là một trong hai lễ hội lớn nhất của người Chăm. Đúng như ý nghĩa nguyên thủy của nó, Rija Nugar là lễ hội chung của dân tộc Chăm, không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng. Bởi ở đó, mọi người Chăm có quyền bình đẳng với nhau trước cộng đồng khi tham gia hành lễ và vui chơi trong lễ hội.

Theo thường lệ, hàng năm, lễ hội Rija Nugar được diễn ra vào 2 ngày đầu năm (tức tháng Giêng theo lịch Chăm). Rija Nugar là một nghi lễ dân gian truyền thống đầu năm theo Chăm lịch, thuộc vào loại nghi lễ lớn nhất của người Chăm. Bởi vì, Rija có nghĩa là lễ, còn Nugar là xứ sở, như vậy, Rija Nugar được hiểu là lễ của xứ sở (Inrasara, 1994, tr. 57). Một điều khá thú vị là, lễ hội thường diễn ra vào thứ năm và thứ sáu tuần đầu tiên của tháng Giêng. Song, ngày thứ năm phải là ngày lẻ, nếu không trùng với ngày lẻ thì dời sang ngày thứ năm tuần kế tiếp.

Về nguồn gốc và thời gian xuất hiện của lễ hội Rija Nugar, cho đến nay vẫn chưa

có ý kiến đồng nhất giữa các nhà khoa học. Có ý kiến cho rằng, lễ hội “xuất hiện vào thế kỷ XVII dưới thời cai quản của vị vua Po Rome (1627-1651), thời vương quốc Champa đã có những giao lưu khá khít với thế giới Mã Lai, vì xét thấy nó có nhiều điểm tương đồng với các lễ Rija Harei, Rija Praung... với cùng vỏ bọc tên gọi” (Inrasara, 1994, tr. 58). Tuy nhiên, thông qua những bia ký còn sót lại ở vùng tháp Bà Pô Nagar, lễ hội Rija Nugar là một lễ hội bản địa và đã có mặt ở vương quốc Champa từ rất sớm bởi trong khi Rija Nugar (cùng với Katê) mang tính cộng đồng được đông đảo quần chúng Chăm tham gia thì các lễ hội hay nghi lễ khác chỉ giới hạn trong phạm vi gia đình hay dòng họ. Trong lễ hội Rija Nugar, hình tượng bà Mẹ xứ sở - một tín ngưỡng cổ truyền của người Chăm, được xem là nguồn gốc xuất xứ của lễ hội này.

Về ý nghĩa, lễ hội Rija Nugar với mục đích quan trọng nhất là để ca tụng giai thoại, cầu xin và tạ ơn đức hy sinh của bà Mẹ xứ sở Pô Inur Nagar bên cạnh ngợi ca công đức của vua, anh hùng, liệt nữ được thần hóa (các Yang, Cei, Nai) và một bộ phận các vị thần linh trong công cuộc tạo dựng non sông, mang ấm no, hạnh phúc, đã giúp cho dân tộc Chăm một năm “mưa thuận, gió hòa”, “tai qua nạn khỏi”, “an cư lạc nghiệp” và giữ bỏ tất cả những rủi ro của vụ mùa cũ để hướng đến và đón nhận cái hay, cái tốt đẹp cho một vụ mùa mới. Rõ ràng, xét dưới góc độ tín ngưỡng tâm linh, có thể khẳng định, lễ hội Rija Nugar là lễ hội sùng bái nữ thần, cao hơn là lễ hội thờ Mẫu - một tín ngưỡng truyền thống của cư dân

người Chăm. Và dĩ nhiên, lễ hội Katê³ cũng đóng vai trò quan trọng không kém.

3. Biểu hiện của tín ngưỡng thờ Mẫu trong lễ hội Rija Nugar

Trong hệ thống các lễ hội của người Chăm, có lễ Rija Nugar (cùng với Katê) là một trong hai lễ hội lớn có qui mô nhất và độc đáo nhất, được tổ chức thường xuyên hàng năm. Bản thân lễ hội này vừa là sự hội tụ, lan toả, tập trung, vừa là biểu hiện của sự thăng hoa các yếu tố mang giá trị văn hoá truyền thống của người Chăm. Đó chính là cái nhìn đầy lạc quan về sự sống. Những điệu múa, lời ca hoà trong âm thanh du dương, trầm bổng của tiếng kèn, nhịp trống, quyện vào những bộ trang phục truyền thống rực rỡ trong không gian linh thiêng của những đền tháp Chăm cổ kính, tạo nên một bức tranh văn hoá đặc sắc trong lễ hội. Ẩn dưới bức tranh văn hoá ấy, đó chính là những tư duy nông nghiệp nguyên thủy, những quan niệm về triết lý Âm - Dương Ngũ Hành mang ý nghĩa phồn thực rõ nét của người Chăm, cầu mong cho vạn vật và con người sinh sôi, nảy nở, cho mùa màng cây trái tốt tươi, con cháu đề huề. Hơn tất cả, đó là sự thoả mãn về mặt tín ngưỡng, tâm linh, là ước vọng về một cuộc sống thanh bình, hạnh phúc...

Lễ hội Rija Nugar là một hình thức sinh hoạt nông nghiệp của các cư dân nông nghiệp, đồng thời, là gốc gác xuất phát điểm của lễ hội. Sự rõ nét hơn ở chỗ, khi lễ hội này của người Chăm suy tôn các vị chủ đất, chủ xứ, mà chủ đất, chủ xứ của cư dân

nông nghiệp chỉ có thể là hình tượng bà Mẹ. Dấu tích ấy được biểu thị cụ thể qua hình tượng bà Mẹ xứ sở, và được nhân bản hoá bằng mẫu thân của xứ sở người Chăm. Điều đó có thể nhìn nhận rõ qua hình tượng nữ thần Pô Inur Nagar. Đó là một vị Quốc Mẫu của người Chăm: "...đó chính là biểu tượng của nữ thần Uroja (nghĩa là "vú phụ nữ") hay Pô Inur Nagar - Bà chính là Mẹ quê hương xứ sở, là Quốc Mẫu của người Chăm (Pô = ngài, Ina = mẹ, Nagar = xứ sở)... dưới hình ảnh phồn thực của một bà Mẹ bản địa" (Trần Ngọc Thêm, 1999, tr. 236). Hình tượng của bà Mẹ này gắn liền với thần thoại Ấn Độ, cụ thể là Balamôn giáo (sau này là Hindu giáo). Bà Pô Inur Nagar là một dạng hoá thân của nữ thần Uma - người được đấng thần linh trên cao đưa xuống để cứu giúp người Chăm tai qua nạn khỏi, dạy cho người Chăm cách trồng lúa và tạo ra hạt lúa, dạy cho người Chăm những phong tục, lễ nghi ở đời... Tất cả đã đem lại hình dạng linh thánh và quyền năng của một nữ thần. Bà đi vào đời sống người dân hết sức bình dị. Chính vì vậy, Bà đã được nhân dân tôn sùng là tổ của người Chăm. Hình tượng của Bà được khắc hoạ hết sức cô đọng, kỳ tích và giàu tính ly kỳ, biểu trưng sâu sắc qua những bài ca lời tụng trong các lễ tế: "Pô Inur Nagar ghét hạng người độc ác, giúp những người hiền lành... Thần phù hộ cho mọi người và cho người làm ruộng" (Ngô Văn Doanh, 2006, tr. 16). Qua đó càng cho thấy hình tượng nữ thần Pô Inur Nagar hiện lên hết sức uy nghi, lộng lẫy nhưng cũng không kém phần gần gũi và linh thiêng trong lễ tế.

³ Lễ hội Katê với mục đích là để tưởng nhớ công đức các vị công thần khai quốc, anh hùng dân tộc và trên hết là ông bà, tổ tiên...

Theo thần phả, Bà Pô Inur Nagar được “sinh từ mây trời và từ bọt biển, nữ thần đã hiện thân dưới hình dạng một khúc gỗ kỳ nam nổi trên mặt biển. Bà có 97 chồng... và Bà sinh 38 người con gái, đều cũng trở thành nữ thần như mẹ. Bà sinh ra đất đai, cây kỳ nam và lúa gạo, không khí chung quanh Bà đượm mùi thơm của lúa và chính Bà đã đem sinh thực khí cho cây sung thần” (Văn Đình Hy, 1978). Bên cạnh sự tích này, trong dân gian của người Chăm vẫn còn có nhiều lưu truyền về tên tuổi và xuất thân của Bà.

Đối với nữ thần Pô Inur Nagar “...đến niên hiệu Trưng Hưng thứ nhứt, thần được sắc phong Hậu Thổ Thần Địa Kỳ Nguyên Quân, sang năm thứ tư được gia phong hai mỹ tự Nguyên Trung. Đến năm Hưng Long 21, Thần lại được gia phong bổ mỹ tự Ứng Thiên Hóa Dục” (Lý Tế Xuyên, 1961, tr. 97-98). Rõ ràng, qua những sắc phong, càng chứng tỏ Bà không phải là người trần tục, cũng không phải là tiên nữ, thế nhưng tên tuổi cùng những kỳ tích của Bà đã đi vào huyền thoại và sử sách, để lại trong lòng nhân dân những giai thoại hết sức thần bí. Con người ấy là đại diện cho cả cộng đồng dân tộc Chăm, song lại đồng nhất ở cùng một tâm thức. Đó chính là tâm thức về tín ngưỡng sùng bái con người, sùng bái nữ thần, cao hơn là tín ngưỡng thờ Mẫu, thể hiện một truyền thống, một đạo lý văn hóa có từ ngàn đời của dân tộc Chăm.

Hình tượng bà Mẹ xứ sở đối với xã hội nông nghiệp Chăm không phải là một hình tượng cá biệt mà cũng chẳng phải là một hiện tượng hy hữu trong nền văn hoá dân tộc Chăm. Nữ thần Pô Inur Nagar là hiện thân của “mẹ lúa”, “mẹ ngô”, đó là một hiện

tượng đặc biệt trong tín ngưỡng thờ “mẹ kinh tế”, “mẹ làm ăn”, “mẹ may mắn”, “mẹ mùa” của người Chăm. Rõ ràng, đây là sự dung hợp hết sức tinh tế và độc đáo, thể hiện đỉnh cao trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Chăm.

Có lẽ, Bà Mẹ xứ sở là một trong số những “nữ thần địa phương” được nhân dân “thần thánh hoá” với những giai thoại hết sức ly kỳ và là một trong số những sản phẩm của quá trình hỗn hợp và dung hòa văn hoá Chăm - Án. Hình tượng nữ thần Pô Inur Nagar đã tự hoá thân mình vào nữ thần Uma với đức hiếu sinh và lòng vị tha, và đi sâu vào tiềm thức để trở thành một nét sinh hoạt tín ngưỡng không thể thiếu trong đời sống văn hoá của người dân Chăm với vị nhân từ và giàu đức hi sinh hình ảnh của một bà Mẹ.

Thực tế cũng cho thấy rằng, sự dung hợp giữa hai nền văn hoá Việt - Chăm, từ hình tượng đến nhân vật, từ dị biệt đến tương đồng thì cũng dễ tìm ra một cái gì đó dáng hình nữ thần Pô Inur Nagar của người Chăm và Thánh Mẫu Liễu Hạnh của người Việt, làm nên một nền văn hoá tín ngưỡng bản địa thực tại ở vùng đất mới miền Trung. Điều này càng “phản ánh khả năng hội tụ, chuyển tải văn hoá của ngôn từ, cũng như năng lực sáng tạo của người Việt, trên cơ sở hình tượng tín ngưỡng... Người Việt dùng văn hoá dân tộc, kết thành hình tượng mới phù hợp với bản sắc dân tộc và yêu cầu tâm linh từng gia đình tiên hoá của lịch sử” (Nguyễn Hữu Hiếu, 2005, tr. 93). Dẫn chứng cho thấy: “Theo đường Nam tiến của dân tộc Việt, chúa Liễu đã từ Phủ Giày (Nam Định), đền Sòng (Thanh Hoá) đi về phương Nam, tạm dừng chân ở điện Hòn Chén (Huế) và

gặp Bà Pô Ino Nagar tại Nha Trang, gặp Bà Đen (Linh Sơn Thánh Mẫu) ở Tây Ninh và Bà Chúa Xứ ở núi Sam (Châu Đốc)...” (Trần Quốc Vượng, 1997, tr. 13, 223).

Bên cạnh đó, cũng do “sống trong vùng Đông Nam Á nông nghiệp, người Chăm tất yếu kế thừa ảnh hưởng của văn hoá khu vực mà đặc trưng điển hình là khuynh hướng hài hoà âm dương có phần thiên về âm tính, với triết lý âm dương trong nhận thức và tục sùng bái sinh thực khí trong tín ngưỡng” (Trần Ngọc Thêm, 1999, tr. 288). Đặc điểm này có thể dễ nhận biết qua thời gian diễn ra lễ hội Rija Nugar. Một điều khá đặc biệt, như đã trình bày, lễ hội này thường diễn ra vào thứ năm và thứ sáu tuần đầu tiên của tháng Giêng. Hơn nữa, ngày thứ năm ấy phải là ngày lẻ, nếu không trùng với ngày lẻ thì nhất thiết phải dời sang ngày thứ năm tuần kế tiếp. Sở dĩ có điều đặc biệt này là do ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ Mẫu, thể hiện ở chỗ số lẻ biểu trưng cho tính Âm hay người phụ nữ. Đó chính là sự tưởng nhớ công đức của Bà Mẹ xứ sở - bà Pô Inu Nagar.

Như vậy, lễ hội Rija Nugar của người Chăm được khởi nguyên từ tục sùng bái con người và sùng bái nữ thần. Về sau, hình thức tín ngưỡng này được nâng tầm thành tín ngưỡng thờ Mẫu, và đây được xem là “lăng kính” văn hóa tạo nên bản sắc văn hóa Chăm. Đây cũng là tín ngưỡng gắn liền với các huyền thoại, thần tích mang đầy yếu tố thần kỳ về hình tượng người Mẹ của cộng đồng người Chăm, được tôn thờ trong các thánh địa, các khu đền tháp... Trải qua một quá trình lịch sử, đặc điểm tín ngưỡng ấy được người Chăm củng cố và phát huy qua

sự giao lưu, tiếp biến giữa văn hoá bản địa và văn hoá ngoại lai (văn hoá Ấn Độ, văn hoá người Việt). Trên cơ sở đó, tín ngưỡng thờ Mẫu được người Chăm hợp thức hóa bằng nhiều hình thức sinh hoạt tâm linh, được biểu thị khá cụ thể và sinh động qua lễ hội Rija Nugar - lễ hội dân gian có tính truyền thống và mang một ý nghĩa tốt đẹp trong cộng đồng người Chăm, được lưu truyền từ bao đời nay.

Một vài nhận xét

Trên cơ sở những tín ngưỡng dân gian và tôn giáo của mình, người Chăm đã sáng tạo ra một hệ thống lễ hội phong phú và đặc sắc, tiêu biểu như Rija Nugar, Rija Praung, Katê, Ramurwan, Yôr Yang, Chabur... với nội dung, ý nghĩa hướng đến của các lễ hội cũng mang tính cộng đồng và tính khái quát cao. Điều này được thể hiện qua các hình thức như tín ngưỡng nông nghiệp, tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên, tín ngưỡng làng (*play*), gia đình... Trong đó, những lễ hội liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp là phổ biến và đóng vai trò quan trọng nhất trong các lễ hội hàng năm của cộng đồng người Chăm.

Lễ hội Rija Nugar là lễ hội mang đầy đủ những yếu tố bản sắc tộc người Chăm. Đặc biệt, qua lễ hội này, có thể tìm thấy một nét tương đồng trong nguyên lý Mẹ của văn hóa người Chăm với ý thức sâu nặng nhớ về cội nguồn và thấm nhuần triết lý âm sinh dương thành. Cùng với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Mẹ ở người Chăm đã trở thành đạo Mẫu - đạo cao nhất của tộc người này. Đạo Mẫu người Chăm được biểu hiện qua các nghi lễ thờ cúng còn tích hợp nhiều giá trị văn hóa - nghệ thuật - diễn xướng dân gian đặc sắc trong nền văn hóa

truyền thống, nhưng hay nhất, độc đáo và bản sắc nhất phải kể đến lễ hội Rija Nugar. Đó là nguyên do vì sao lễ hội này được xem là lễ hội nền trong các lễ hội truyền thống của người Chăm.

Ngày nay, lễ hội Rija Nugar không chỉ là di sản riêng của người Chăm ở nước ta mà thực sự trở thành một di sản chung, một biểu tượng văn hoá, một lễ hội lớn, đặc sắc trong bản sắc văn hoá Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Văn Doanh (2006), *Lễ hội chuyển mùa của người Chăm*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Ngô Văn Doanh (2009), *Tháp Bà Thiên Y A Na - hành trình của một nữ thần*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thức tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Hiếu (2005), *Tìm hiểu văn hoá tâm linh Nam bộ*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Văn Đình Hy (1978), “Từ thần thoại Pô Inur Nagar đến Thiên Y A Na”, trong: *Những vấn đề dân tộc học ở miền Nam Việt Nam*, Tập 2, Quyển 2, Ban Dân tộc - Viện Khoa học xã hội Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Inrasara (1994), *Văn hóa và xã hội Chăm - nghiên cứu và đối thoại*, Nxb Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Vũ Ngọc Khánh, Mai Ngọc Chúc, Phạm Hồng Hà (2002), *Nữ thần và thánh Mẫu Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
8. Nguyễn Minh Sam (1996), *Những thần nữ danh tiếng trong văn hoá tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
9. Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Quảng Nam (2004), *Phong tục - tập quán - lễ hội Quảng Nam*, Tam Kỳ.
10. Huỳnh Quốc Thắng (2003), *Lễ hội dân gian Nam bộ*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
11. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Ngô Đức Thịnh (1996), *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
13. Trần Quốc Vượng (1997), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Lý Tế Xuyên (1961), *Việt điện U Linh*, bản dịch Lê Hữu Mục, Nxb Khai trí, Sài Gòn.